DANH MỤC KHU VỰC CẤM KHAI THÁC THỦY SẢN CÓ THỜI HẠN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khu vực cấm** | **Tỉnh** | **Phạm vi/Tọa độ cấm** | **Thời gian cấm**(Từ ngày-đến ngày) | **Đối tượng chính được bảo vệ** |
| 1 | Vùng biển ven Đảo Cô Tô | Quảng Ninh | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C1a: (21°04'00"N, 107°39'00"E)C1b: (21°04'00"N, 107°52'30"E)C1c: (20°55'00"N, 107°52'30"E)C1d: (20°55'00"N, 107°39'00"E) | 01/4 - 30/6 | Bào ngư chín lỗ *(Haliotis diversicolor),*họ san hô cành(Pocilloporidae)*,*họ san hô lỗ đỉnh(Acroporidae)*,*họ san hô khối (Poritidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), cá lượng (Nemipteridae), cá phèn (Mullidae), cá trích (Clupeidae), cá nhồng (Sphyraenidae), cá đục (Sillaginidae)Bổ sung: tôm tít (Squillidae) |
| 2 | Vùng biển Long Châu - Hạ Mai | Hải Phòng | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C2a: (20°47'00"N, 107°10'50"E)C2b: (20°47'00"N, 107°26'00"E)C2c: (20°37'00"N, 107°26'00"E)C2d: (20°37'00"N, 107°10'50"E) | 01/4 - 30/6; 01/8-31/8; 01/11-30/11 | Loài kinh tế thuộc họ cá phèn (Mullidae), cá tráp (Sparidae), cá lượng (Nemipteridae), cá trích (Clupeidae), cá khế (Carangidae), cá nhồng (Sphyraenidae), cá đục (Sillaginidae), cá đối (Mugilidae), tôm he (Penaeidae)Bổ sung: cá trỏng (Engraulidae), cá bàng chài (Labridae), cá mối (Synodontidae), tôm tít (Squillidae), tôm gai (Palaemonidae) |
| 3 | Vùng biển Tây Nam Long Châu | Hải Phòng | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C3a: (20°34’00"N, 106°57’00"E)C3b: (20°34’00"N, 107°03’00"E)C3c: (20°30’00"N, 107°03’00"E)C3d: (20°30’00"N, 106°57’10"E) | 01/4 - 30/6;01/11-30/11 | Loài cá kinh tế thuộc họ cá phèn (Mullidae), cá trác (Priacanthidae), cá trích (Clupeidae), cá nhồng (Sillaginidae), cá sạo (Haemulidae), tôm he (Penaeidae) |
| 4 | Vùng ven biển Quất Lâm | Nam Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C4a: (20°12’30"N, 106°26’50"E)C4b: (20°08’00"N, 106°31’00"E)C4c: (20°03’00"N, 106°24’00"E)C4d: (20°08’00"N, 106°19’30"E) | 01/4 - 30/6 | Cá phèn (Mullidae), cá trích (Clupeidae), cá khế (Carangidae), cá lượng (Nemipteridae), cá tráp (Sparidae), cá đục (Sillaginidae) |
| 5 | Vùng ven biển Hòn Nẹ | Ninh Bình, Thanh Hóa | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C5a: (20°00'30"N, 106°12'20"E)C5b: (20°00'30"N, 106°18'00"E)C5c: (19°51'30"N, 106°18'00"E)C5d: (19°51'30"N, 106°07'15"E)C5e: (19°46'00"N, 106°07'15"E)C5f: (19°46'00"N, 105°55'20"E) | 01/4 - 30/6 | Cá phèn (Mullidae), cá lượng (Nemipteridae), cá tráp (Sparidae), cá đục (Sillaginidae), cá chai (Platycephalidae), cá căng (Terapontidae), cá trích (Clupeidae), cá khế (Carangidae), cá trỏng (Engraulidae), cá đối (Mugilidae), tôm he (Penaeidae)Bổ sung: cá đù (Sciaenidae), cá móm (Gerreidae), tôm tít (Squillidae, Harpiosquillidae), tôm gai (Palaemonidae), |
| 6 | Vùng ven biển Quảng Xương | Thanh Hóa | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C6a: (19°40'00"N, 105°50'20"E)C6b: (19°40'00"N, 106° 02'00"E)C6c: (19°32'00"N, 106° 00'00"E)C6d: (19°32'00"N, 105°48'35"E) | 01/4 - 30/5;01/8 - 31/8 | Cá phèn (Mullidae), cá lượng (Nemipteridae), cá căng (Terapontidae), cá trỏng (Engraulidae), cá trích (Clupeidae), cá đối (Mugilidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)Bổ sung: tôm tít (Squillidae, Harpiosquillidae) |
| 7 | Vịnh Diễn Châu | Nghệ An | Trong phạm vi:Vĩ độ từ 18°57’N đến 19°03N,Kinh độ từ 105°36’E đến 105°42’E | 01/4 - 30/6 | Cá nục sồ *(Decapterus maruadsi)*, cá phèn một sọc *(Upeneus moluccensis),*cá phèn 2 sọc *(Upeneussulphureus*) |
| 8 | Bãi tắm Cửa Lò | Nghệ An | Từ bờ Nam Lạch Lò đến bờ Bắc Lạch Hội, từ bờ ra xa đến 1.000m | 01/4 - 30/9 | Bảo vệ bãi đẻ của một số loài thủy sản và các loại cá con |
| 9 | Vùng ven biển Nghi Xuân | Hà Tĩnh | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C9a: (18°40'00"N, 105°48'00"E)C9b: (18°43'00"N, 105°55'00"E)C9c: (18°32'00"N, 106°02'00"E)C9d: (18°27'30"N, 105°56'30"E) | 01/3 -30/6 | Cá phèn (Mullidae), cá nhồng (Sphyraenidae), cá trỏng (Engraulidae), cá trích (Engraulidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)Bổ sung: cá bơn (Cynoglossidae), cá mối (Synodontidae), tôm tít (Squillidae, Harpiosquillidae) |
| 10 | Vùng biển ven bờ xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (khu vực Hòn La - Vũng Chùa) | Quảng Bình | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C10a: (17°50'39"N, 106°30'33"E)C10b: (17°59'17"N, 106°36'58"E)C10c: (17°51'20"N, 106°44'20"E)C10d: (17°51'21"N, 106°28'39"E)C10e: (17°59'49"N, 106°29'11"E) | 01/4-30/9 | Tôm Hùm, bãi đẻ của các loài thủy sản |
| 11 | Vùng ven biển Lăng Cô | Thừa Thiên Huế | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C11a: (16°16’35"N, 108°03’30"E)C11b: (16°20’35"N, 108°08’00"E)C11c: (16°16’35"N, 108°12’35"E)C11d: (16°12’55"N, 108°09’30"E) | 01/4 - 30/6;01/8 - 30/8 | Cá mối (Synodontidae), cá căng (Tẻapontidae), cá phèn (Mullidae), cá trỏng (Engraulidae), cá khế (Carangidae), cá đối (Mugilidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae) |
| 12 | Đông Bắc Hòn Dài, Cù Lao Chàm | Quảng Nam | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C12a: (15°56'55"N, 108°28'59"E)C12b: (15°56'57"N, 108°28'59"E)C12c: (15°56'48"N, 108°29'07"E)C12d: (15°56'48"N, 108°29'09"E) | 01/5 - 30/7; | Bãi đẻ mực lá *(Sepioteuthis lessoniana)*và ốc gai *(Murex troscheli)* |
| 13 | Hòn Cao-Mũi Còng Cọc, Nhơn Lý | Bình Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C13a:(13°53’29''N, 109°17’24''E)C13b:(13°53’30''N, 109°17’22''E)C13c : (13°53’50''N, 109°17’36''E)C13d: (13°53’49''N, 109°17’38''E) | 01/11 - 30/02; 01/5 - 30/6 | Bãi đẻ mực lá *(Sepioteuthis lessoniana)*và ốc gai *(Murex troscheli)*; bãi ương giống tôm hùm |
| 14 | Hòn Khô lớn- Bờ Đập-Mũi Yến, Nhơn Hải | Bình Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C14a: (13°45’49''N, 109°17’23''E)C14b: (13°45’40''N, 109°18’00''E)C14c: (13°45’13''N, 109°17’54''E)C14d: (13°45’80''N, 109°17’14''E)C14e: (13°45’14''N, 109°17’15''E) | 01/11 - 30/2;01/5 - 30/6 | Bãi đẻ mực lá *(Sepioteuthis lessoniana)*và ốc gai *(Murex troscheli)*; bãi ương giống tôm hùm |
| 15 | Bắc Bãi Xếp, Ghềnh Ráng | Bình Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C15a: (13°41’52'N, 109°13’57''E)C15b: (13°41’53''N, 109°14’16''E)C15c: (13°41’28''N, 109°14’21''E)C15d: (13°41’27''N, 109°13’57''E) | 01/4 - 30/8; | Bãi ương giống cá mú mè và cá mú sông |
| 16 | Hòn Ngang- Hòn Sâu-Hòn Nhàn-Hòn Đất, Ghềnh Ráng | Bình Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C16a: (13°40’54''N, 109°14’17''E)C16b: (13°41’08''N, 109°15’11''E)C16c:(13°40’40''N, 109°15’28''E)C16d:(13°40’49''N, 109°14’15''E) | 01/3 - 30/6;01/11 - 30/02 | Bãi đẻ mực lá *(Sepioteuthis lessoniana)*; bãi ương giống tôm hùm |
| 17 | Bãi Làng-Mũi Lăng Bà, Nhơn Châu | Bình Định | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C17a: (13°36’37''N, 109°21’14''E)C17b: (13°36’18''N, 109°21’40''E)C17c: (13°36’07''N, 109°21’28''E)C17d: (13°36’15''N, 109°21’05''E) | 01/3 - 30/6;01/11 - 30/02 | Bãi đẻ mực lá *(Sepioteuthis lessoniana)*; bãi ương giống tôm hùm |
| 18 | Vùng ven biển Nha Trang | Khánh Hòa | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:B18a: (12°29'50"N, 109°18'55"E)B18b: (12°29'50"N, 109°27'00"E)B18c: (12°15'00"N, 109°27'00"E)B18d: (12°15'00"N, 109°11'50"E) | 01/5-31/5;01/7-31/8;01/11-30/11 | Cá trỏng (Engraulidae), cá trích (Clupeidae), cá bơn lưỡi (Cynoglossidae), cá mối (Synodontidae), cá đối (Mugilidae), cá hố (Trichiuridae), cá chình rắn (Ophichthyidae), tôm he (Penaeidae), tôm tít (Squillidae), tôm gai (Palaemonidae) |
| 19 | Vùng ven biển Phan Thiết | Bình Thuận | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C19a: (11°01'50"N, 108°23'25"E)C19b: (10°54'00"N, 108°28'00"E)C19c: (10°40'00"N, 108°03'00"E)*C19d: (10°43'45"N, 108°00'30"E)* | 01/11 - 30/1101/01-30/4;01/7-31/7; | Cá lượng (Nemipteridae),cá đục (Sillaginidae), cá lượng (Nemipteridae), cá phèn (Mullidae), cá bơn lưỡi (Cynoglossidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)Bổ sung: cá căng (Terapontidae), cá đù (Sciaenidae), cá hố (Trichiuridae), cá khế (Carangidae),tôm tít (Squillidae) |
| 20 | Vùng ven biển vịnh Phan Rí | Bình Thuận | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C20a: (11°11'00"N, 108°43'43"E)C20b: (11°07'50"N, 108°45'00"E)C20c: (11°02'00"N, 108°31'30"E)C20d: (11°05'00"N, 108°29'02"E) | 01/02-30/4;01/8-31/8;01/11-30/11 | Cá lượng (Nemipteridae), cá chai (Platycephalidae), cá đục (Sillaginidae), cá phèn (Mullidae), cá mối (Synodontidae), cá chình rắn (Ophichthyidae), cá bơn lưỡi (Cynoglossidae), cá đối (Mugilidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), tôm tít (Squillidae) |
| 21 | Vùng ven biển Vũng Tàu - Tiền Giang | Vũng Tàu, Tiền Giang | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C21a: (10°22'38"N, 107°14'30"E)C21b: (10°14'30"N, 107°19'30"E)C21c: (09°59'00"N, 106°55'00"E)C21d: (10°07'00"N, 106°47'40"E) | 01/11-30/1101/01-30/4;01/7-31/8; | Tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), cá đù (Sciaenidae), cá căng (Terapontidae), cá đối (Mugilidae), cá lượng (Nemipteridae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae)Bổ sung: cá bống (Gobiidae), cá đục (Sillaginidae), cá căng (Terapontidae), cá phèn (Mullidae), cá bơn (Cynoglossidae), cá khế (Carangidae), cá hố (Trichiuridae), cá trác (Priacanthidae), cá mối (Synodontidae), tôm tít (Squillidae), tôm mũ ni (Scyllaridae), tôm chì (Pandalidae) |
| 22 | Vùng ven biển Vĩnh Châu | Sóc Trăng | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C22a: (9°21'30"N, 106°10'20"E)C22b: (9°12'30"N, 106°14'30"E)C22c: (9°06'30"N, 106°01'00"E)C22d: (9°16'30"N, 105°57'00"E) | 01/11 - 30/1101/02-31/5; | Cá đù (Sciaenidae), cá căng (Terapontidae), cá khế (Carangidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), cá bống (Gobbidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)Bổ sung: cá mối (Synodontidae), cá bống (Gobiidae), cá đục (Sillaginidae), cá lượng (Nemipteridae), cá đối (Mugilidae), cá phèn (Mullidae), tôm tít (Squillidae), tôm mũ ni (Scyllaridae) |
| 23 | Vùng ven biển Đông Hải | Bạc Liêu | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C23a: (9°13'00"N, 105°47'30"E)C23b: (9°01'00"N, 105°51'00"E)C23c: (8°56'00"N, 105°36'00"E)C23d: (9°6'30"N, 105°32'00"E) | 01/3-30/6;01/10-30/11 | Cá đù (Sciaenidae), cá đối (Mugilidae), cá lượng (Nemipteridae), cá đục (Sillaginidae), cá bơn (Cynoglossidae), cá trỏng (Engraulidae), cá trích (Clupeidae), tôm he (Penaeidae),Bổ sung: Cá căng (Terapontidae), cá phèn (Mullidae), cá tráp (Sparidae), cá kìm (Hemiramphidae), cá mú (Epinephelinae), cá khế (Carangidae), tôm gai 29 (Palaemonidae), tôm tít (Squillidae, Harpiosquillidae) |
| 24 | Sân Nghêu Đồn, Thạnh Phong | Bến Tre | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C24a: (09°48’21''N, 106°36’05''E)C24b: (09°48’24''N, 106°36’24''E)C24c: (09°48’13''N, 106°36’18''E)C24d: (09°48’12''N, 106°36’39''E)C24e: (09°47’41''N, 106°36’32''E)C24g: (09°47’56''N, 106°37’00''E | 01/5-30/7;01/11-30/01; | Bãi ương giống nghêu/ngao, cua xanh. |
| 25 | Vùng ven biển phía Đông Ngọc Hiền | Cà Mau | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C25a: (8°48'00"N, 105°17'30"E)C25b: (8°45'00"N, 105°21'00"E)C25c: (8°40'15"N, 105°15'30"E)C25d: (8°36'00"N, 105°19'00"E)C25e: (8°32'30"N, 105°14'00"E)C25f: (8°39'20"N, 105°07'30"E) | 01/11-30/1101/3-31/5; | Cá mối (Synodontidae), cá đù (Sciaenidae), cá đối (Mugilidae), cá chai (Platycephalidae), cá bơn (Cynoglossidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaeminidae)Bổ sung: tôm tít (Squillidae) |
| 26 | Vùng ven biển phía Đông Hòn Khoai | Cà Mau | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C26a: (8°38'00"N, 105°05'50"E)C26b: (8°28'30"N, 105°06'00"E)C26c: (8°28'30"N, 105°01'00"E)C26d: (8°23'00"N, 105°01'00"E)C26e: (8°23'00"N, 104°56'00"E)C26f: (8°28'30"N, 104°56'00"E)C26g: (8°28'30"N, 104°52'00"E)C26h: (8°34'15"N, 104°51'30"E) | 01/11 - 30/1101/02-31/5 | Tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), cá chai (Platycephalidae), cá đục (Sillaginidae), cá bơn (Cynoglossidae), cá trích (Clupeidae) cá đối (Mugilidae), cá đù (Sciaenidae), cá căng (Terapontidae), cá bống (Gobiidae), cá nhái (Belonidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae), tôm tít (Squillidae, ) |
| 27 | Vùng ven biển phía Tây Ngọc Hiền | Cà Mau | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C27a: (8°48'00"N, 104°35'00"E)C27b: (8°48'00"N, 104°47'00"E)C27c: (8°35'50"N, 104°44'00"E)C27d: (8°29'00"N, 104°44'00"E)C27e: (8°29'00"N, 104°47'00"E) | 01/11 - 30/1101/02-29/02;01/5-30/6 | Cá lượng (Nemipteridae), cá bống (Gobbidae), cá đù (Sciaenidae), cá đục (Sillaginidae), cá đối (Mugilidae), cá chim (Stromateidae), cá nục heo (Coryphaenidae), cá trỏng (Engraulidae), cá trích (Clupeidae), cá khế (Carangidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae)Bổ sung: cá phèn (Mullidae), cá tráp (Sparidae), cá chai (Platycephalidae), cá sơn đá (Holocentridae), cá bơn (Cynoglossidae), cá khế (Carangidae), tôm tít (Squillidae, Harpiosquillidae), tôm gai (Palaemonidae), tôm lửa (Solenoceridae) |
| 28 | Vùng ven biển vịnh Rạch Giá | Kiên Giang | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C28a: (10°06’10"N, 104°56’50"E)C28b: (9°54’35"N, 105°00’35"E)C28c: (9°54’35"N, 104°56’50"E) | 01/4 - 30/6 | Cá đù (Sciaenidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), cá bống (Gobbidae), cá hồng (Lutjanidae), cá bơn (Cynoglossidae) |
| 29 | Vùng ven biển phía Đông An Thới | Kiên Giang | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C29a: (10°03’00"N, 104°06’00"E)C29b: (10°03’00"N, 104°10’00"E)C29c: (9°59’00"N, 104°10’00"E)C29d: (9°59’00"N, 104°06’00"E) | 01/11 - 30/11 | Cá mú (Serranidae), cá bò (Monacanthidae), cá khế (Carangidae), cá trích (Clupeidae), cá trỏng (Engraulidae), cá bống (Gobbidae), tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae) |
| 30 | Vùng biển phía Tây quần đảo Hải Tặc | Kiên Giang | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C30a: (10°18’00"N, 104°16’00"E)C30b: (10°18’00"N, 104°20’00"E)C30c: (10°14’00"N, 104°20’00"E)C30d: (10°15’00"N, 104°16’00"E) | 01/4 - 30/6 | Cá lượng (Nemipteridae), cá chai (Platycephalidae), cá chim (Stromateidae), cá căng (Terapontidae), cá trích (Clupeidae), tôm he (Penaeidae) |
| 31 | Vùng biển phía Tây Bắc đảo Hòn Tre | Kiên Giang | Trong phạm vi đường nối các điểm có tọa độ:C31a: (10°02’45"N, 104°47’00"E)C31b: (10°02’45"N, 104°51’00"E)C31c : (9°58’45"N, 104°51’00"E)C31d : (9°58’45"N, 104°47’00"E) | 01/11 - 30/11 | Tôm he (Penaeidae), tôm gai (Palaemonidae) |
| 32 | Sông Gâm | Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang | Từ thị trấn Bảo Lạc qua huyện Bảo Lâm (Cao Bằng) đến hết huyện Bắc Mê (Hà Giang) và phía sau hồ thủy điện Tuyên Quang từ chân đập đến ngã ba sông Gâm chảy vào sông Lô (trên địa bàn huyện Yên Sơn, Tuyên Quang) | 01/5 - 31/701/4 - 31/7 | Cá chiên (*Bagarius rutilus*), cá rầm xanh (*Sinilabeo lemassoni*), cá anh vũ (*Semilabeo obscures*), cá bỗng (*Spinibarbus denticulatus*) |
| 33 | Sông Lô | Tuyên Quang, Phú Thọ | Từ ngã ba sông Gâm chảy vào sông Lô trên địa bàn huyện Yên Sơn (Tuyên Quang) đến cầu Việt Trì (Phú Thọ) | 01/5 - 31/701/4 - 31/7 | Cá anh vũ (*Semilabeo obscurus*), cá rầm xanh (*Sinilabeo lemassoni*), |
| 34 | Sông Lô | Tuyên Quang | Từ bến Đền (xã Bạch Xa) đến cửa Ngòi Tèo chảy vào sông Lô (xã Minh Dân, huyện Hàm Yên) | 01/4 - 31/7 | Cá chày đất (*Spinibarbus hollandi*), cá rầm xanh (*Sinilabeo* *lemassoni*), cá chiên (*Bagarius rutilus*) |
| 35 | Sông Rạng và sông Văn Úc | Hải Dương, Hải Phòng | Huyện Thanh Hà và Kim Thành (Hải Dương), huyện An Lão, Tiên Lãng và, huyện Kiến Thụy (Hải Phòng). | 01/3 - 30/6 | Đường di cư sinh sản cá mòi đồng thời bảo vệ một số loài đặc hữu: rươi, cáy, cà da, dạm, cá nhệch, cá mòi, tôm rảo,… |
| 36 | Sông Hồng | Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội | TP Việt Trì, huyện Lâm Thao, Tam Nông, ThanhThủy thuộc tỉnh Phú Thọ;Huyện Vĩnh Tường thuộc tỉnh Vĩnh Phúc; Huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây thuộc Hà Nội. | 01/3 - 31/7 | Cá cháy (*Tenualosa reevesi*), cá mòi cờ chấm *(Knonsirus* *punctatus),*cá mòi cờ hoa (*Clupanodon thrissa),*cá chình nhật (*Angilla japonica),*cá lợ thân thấp (*Cyprinus multitaeniata),*cá măng (*Elopichthys bambusa*), cá chày chàng (*Ochetobus elongatus),*cá anh vũ (*Semilabeo obscurus),*cá Rầm xanh (*Sinilabeo lemassoni*), cá lăng chấm (*Hemibagrus guttatus),*cá chiên (*Bagarius rutilus),*cá ngạnh *(Cranoglamis sinensis).* |
| 37 | Sông Hồng | Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình | Từ huyện Văn Yên - Yên Bái đến các cửa sông thuộc tỉnh Nam Định và Thái Bình | 01/3 - 31/5 | Bảo vệ đường di cư, bãi đẻ trứng của cá cháy (*Tenualosa reevesi*), cá mòi cờ chấm *(Knonsirus punctatus),*cá mòi cờ hoa *(Clupanodon thrissa)* |
| 38 | Sông Hồng | Lào Cai, Yên Bái | Ngòi Nhù, ngòi Bo, bãi Sọi Cờ, ngòi Đum, bãi Sọi Cờ, ngòi Thia | 01/4 - 31/7 | Cá chiên (*Bagarius rutilus)*, cá bỗng *(Spinibarbus* *denticulatus)*, cá anh vũ *(Semilabeo obscurus)* |
| 39 | Sông Thái Bình | Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Nội | Huyện Phú Bình, Thái Nguyên (sông Cầu); Bắc Giang (sông Thương) đoạn ngã ba sông Lô, sông Hồng Việt Trì (Phú Thọ) đến xã Tráng Việt (Mê Linh, Hà Nội) | 01/3 - 31/5 | Cá mòi cờ chấm *(Knonsirus punctatus),*cá mòi cờ hoa *(Clupanodon thrissa)* |
| 40 | Sông Đà, hồ Hòa Bình | Hòa Bình | Các cửa suối, bãi đẻ thuộc huyện Cao Phong, Đà Bắc, Tân Lạc, Mai Châu và thành phố Hòa Bình | 01/4 - 31/7 | Cá măng *(Elopichthys bambusa*), anh vũ (*Semilabeo obscurus),*cá mị/cá pạo *(Sinilabeo graffeuilli),*cá rầm xanh *(Bangana lemassoni),*cá lăng chấm *(Hemibagrus guttatus),* cá chiên bắc *(Bagarius rutilus)* |
| 41 | Sông Mã | Thanh Hóa, Sơn La | Huyện Bá Thước, huyện Cẩm Thủy, huyện Thiệu Hóa, huyện Quan Hóa, huyện Mường Lát, huyện Yên Định (Thanh Hóa), huyện Sông Mã (Sơn La) | 01/4 - 31/7 | Cá Bống bớp (*Bostrychus sinensis*), cá Mòi cờ chấm (*Knonsirus punctatus*), cá Rầm xanh (*Sinilabeo lemassoni*), cá Chiên (*Bagarius rutilus*), cá Lăng (*Hemibagrus guttatus*), cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*), cá Ngát (*Plotosus canius*) |
| 42 | Sông Mã | Thanh Hóa | Vùng cửa Hới giữa huyện Hoằng Hóa và thành phố Sầm Sơn | 01/4 - 30/6 | Cá Bống bớp (*Bostrychus sinensis*), cá Mòi cờ hoa (*Clupanodon thrisa*), cá Cháo lớn (*Megalops cryprinoides*), cá Mòi cờ chấm (*Konosirus punctatus*), cá Mòi mõm tròm (*Nematalosa naus*) |
| 43 | Hạ lưu sông Lam | Nghệ An, Hà Tĩnh | Từ cầu Rộ (Thanh Chương, Nghệ An) qua Nam Đàn, Hưng Nguyên, Vinh, Nghi Lộc, Cửa Hội (Nghệ An) và từ khu vực Chợ Tràng (Đức Thọ, Hà Tĩnh) qua Nghi Xuân (Hà Tĩnh) | 01/7 - 31/8 | Cá măng *(Elopichthys bambusa),*cá hỏa (*Sinilabeo tonkinensis*), cá ngựa bắc (*Tor (Folifer) brevifilis*) |
| 44 | Sông Đồng Nai | Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh | Từ đập Trị An qua sông Đồng Nai, sông Nhà Bè ra đến cửa sông Soài Rạp và toàn bộ vùng nước ở huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh | 01/6 - 30/8 | Cá sơn đài *(Ompok miostoma),*cá may *(Gyrinocheilus aymonieri),*cá còm *(Chitala ornate),* |
| 45 | Cửa sông Định An và Trần Đề | Trà Vinh, Sóc Trăng | Giới hạn từ đường thẳng đi qua điểm A có tọa độ: 09°35’06”N, 106°19’18”E và điểm B có tọa độ: 9°29'32"N, 106°15'30"E đến đường giới hạn cửa sông do tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng công bố | 01/4 - 30/6 | Cá cháy nam *(Tenualosa thibaudeaui),*cá cháy bẹ *(Tenualosa toil),*cá duồng (*Cirrhinus microlepis),*cá ét mọi *(Morulius chrysophekadion),*cá tra dầu *(Pangasianodon gigas)* |
| 46 | Hồ Ya Ly | Kon Tum, Gia Lai | Toàn bộ lòng hồ, phía Gia Lai giới hạn bởi chân thác Ya Ly, phía Kon Tum tính từ điểm giao giữa sông Đăk PôKơ và sông Đăk Bla trên địa bàn huyện Sa Thầy (Kon Tum) | 01/4 - 31/5 | Cá thát lát (*Chitala sp.*), cá duồng bay *(Cosmochilus harmandi),*cá ngựa xám *(Tor tambroides)* |
| 47 | Sông SerePok | Đắk Lắk, Đắk Nông | Từ đoạn chảy qua xã: Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, Ea Nuoi, Tân Hòa gồm các (huyện Buôn Đôn, Đắk Lắk) và huyện Cư Jut (Đắk Nông) | 01/6 - 31/8 | Cá trà sóc (*Probarbus jullieni),*cá nàng hương (*Chitala* *blanci)*, cá duồng (*Cirrhinus microleppis), c*á thát lát khổng lồ (*Chitala lopis*) |
| 48 | Sông Krong Ana | Đăk Lăk | Xã Ea Na, thị trấn Buôn Trấp, xã Bình Hòa, xã Quảng Điền | 01/6 - 31/8 | Cá trà sóc (*Probarbus jullieni*), cá còm (*Chitala ornata*), cá chiên (*Bagarius yarrelli*) |